

Bản án số: 57 /2025/DS-ST
Ngày: 16 /9/2025
V/v tranh chấp “Bồi thường
thiệt hại trong hợp đồng dịch
vụ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Dũng Hà và bà Nguyễn Thị Thu Thảo

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dung - Thư ký viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Thẩm Anh Trúc- Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 84/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp “Bồi thường thiệt hại trong hợp đồng dịch vụ”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số 52/2025/QĐST-DS ngày 08/9/2025 và thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 09/9/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Bá H, sinh năm 1982; Trú tại: thôn P, xã S, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lưu Ngọc C- Luật sư văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh P. Có mặt.

Bị đơn: Tổng công ty B1; Địa chỉ: Số E P, phường T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lê Thị L; Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm vận hành - Bưu điện tỉnh P (Theo giấy ủy quyền lập ngày 17/6/2025 của Giám đốc Bưu điện tỉnh P). Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. B2; Địa chỉ: G T, phường C, thành phố Hà Nội. Có đơn đề nghị xét xử vắng

2. Tổng công ty B1-Công ty cổ phần; Trụ sở chính: Tầng D Tòa nhà F L, phường T, thành phố Hà Nội (cũ). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2024, ngày 30/6/2024, ngày 13/3/2025 cùng quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông **Phan Bá H** trình bày:

Ngày 07/5/2021, tôi (**H**) có gửi tại **Bưu cục Sơn Thành Đ** (một) bưu phẩm, trong đó có: 01 (một) bằng **đại học Đ** - khoa Luật Đà Lạt và 01 (một) bằng Trung học phổ thông, đều bản gốc và đều mang tên **Phan Bá H**; nơi gửi đến ông **Nguyễn Danh C1**, biệt thự C3G, **chung cư S - Đ- Vĩnh Phúc**; gửi theo dịch vụ hỏa tốc. Tuy nhiên bưu phẩm này đã không đến được địa chỉ người nhận và hiện nay bưu phẩm đã chính thức thất lạc. Tôi (**H**) đã khởi kiện **Tổng công ty B1** (*do Bưu điện tỉnh P làm đại diện*) tại Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa với yêu cầu: Buộc **Tổng công ty B1** trả lại hai văn bằng gốc và bồi thường thiệt hại nhưng sau đó tôi đã rút yêu cầu bồi thường thiệt hại. Việc Bưu cục làm mất văn bằng khiến công việc tôi bị ảnh hưởng vô cùng, cụ thể: Tôi bị cơ quan nơi làm việc là **B2** và Cuộc sống ra thông báo chấm dứt hợp đồng lao động từ tháng 8/2023 và cũng từ đó đến nay (tháng 3/2025) thời gian là 19 tháng tôi không có văn bằng để làm hồ sơ xin việc gửi đến các cơ quan khác. Tôi (**H**) yêu cầu Tòa án buộc **Tổng Công ty B1**:

1. Bồi thường thiệt hại là 233.000.000 đồng gồm các khoản sau:

- Mất thu nhập và các khoản phụ cấp khác là 133.000.000 đồng gồm: Lương cơ bản 4.000.000 đồng/tháng (*hệ số thực trả tại **Báo Trí thức và B2** trả cho tôi trước khi chấm dứt hợp đồng lao động*) x 19 tháng (*từ tháng 8/2023 đến tháng 3/2025*) = 76.000.000 đồng và các khoản phụ cấp khác gồm BHYT +BHXH+ Tiền nhuận bút là 3.000.000 đồng/tháng x 19 tháng = 57.000.000 đồng.

- Bồi thường bằng tiền đối với hai văn bằng gốc bị mất là 100.000.000 đồng (*50.000.000 đồng/văn bản x 02*).

2. Trả lại 02 (hai) văn bằng bản sao là bằng tốt nghiệp trung học phổ thông và **B** cử nhân luật học.

Bị đơn **Tổng Công ty B1** do bà **Lê Thị L** trình bày:

- Về chủ thể bị kiện trong vụ án này là **Tổng công ty B1** là đúng vì **Bưu điện tỉnh P** chỉ là đơn vị hạch toán phụ thuộc. Đối với dịch vụ chuyển phát nhanh EMS, **Tổng công ty B1** được coi là Tổng đại lý của **Tổng công ty cổ phần B1** (gọi tắt là **Tổng Công ty E**)

- Về yêu cầu khởi kiện của ông **Phan Bá H**: **Bưu điện tỉnh P** nhận thấy bản án sơ thẩm số 72/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa (đã có hiệu lực pháp luật) là hoàn toàn xác đáng, đúng pháp luật. Toàn bộ các nội dung do **Bưu điện tỉnh P** trình bày trong bản án này đều được sử dụng để làm căn cứ phán xét các yêu cầu của ông **Phan Bá H**, cho dù trong đơn kiện lần này ông **H** không đề cập đến vấn đề bồi thường thiệt hại, nhưng không có tình tiết nào mới.

-Về yêu cầu bồi thường thiệt hại 233.000.000 đồng: Ông **Phan Bá H** sử dụng dịch vụ EMS thông thường, không phải dịch vụ EMS hỏa tốc và càng không phải sử dụng dịch vụ khai giá nên căn cứ các quy định hiện hành Luật Bưu chính, Nghị định số 47/2011/NĐ-CP và các quy định của ngành thì mức bồi

thường khi mất thư tín, tài liệu bưu phẩm là không được vượt quá 4 lần cước phí (tức 18.018 đồng x 4 = 72.072 đồng). Do vậy ông **H** yêu cầu bồi thường 2 văn bằng gốc làm thất lạc 100.000.000 đồng là không có cơ sở. Mặt khác, căn cứ khoản 4 Điều 40 Luật Bưu chính; Điều 24 và Điều 25 Nghị định 47/2011/NĐ-CP thấy rằng việc ông **H** yêu cầu bồi thường khoản tiền mất thu nhập 67.000.000 đồng và khoản phụ cấp BHYT, BHXH và tiền nhuận bút là 57.000.000 đồng là không có cơ sở.

Tại văn bản số 1997/CV-CPNBD ngày 06/8/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Tổng công ty B1-Công ty cổ phần (viết tắt Tổng công ty E)** trình bày:

Tổng công ty E tiếp tục bảo lưu quan điểm như tại Văn bản số 2010/CV-EMS ngày 18/8/2023 đã gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa trước đây: Trường hợp để xảy ra thất lạc bưu phẩm của khách hàng **Phan Bá H** là thuộc trách nhiệm của **Bưu điện thành phố H**. **Tổng công ty E** đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và xin vắng mặt trong tất cả các phiên tòa.

Tại văn bản số 532/TTCS-BTS ngày 19/8/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **B2 (B3)** trình bày:

1. Về thông tin liên quan ông **Phan Bá H**:

1.1. Quá trình công tác tại **B3**: Vị trí việc làm: Phóng viên **Ban T**; Thời gian làm việc: từ ngày 01/7/2021 đến ngày 30/6/2023; Loại HĐLĐ: Có thời hạn (gồm 02 HĐLĐ: từ ngày 01/7/2021 đến ngày 30/6/2022 và từ ngày 01/7/2022 đến ngày 30/6/2023); Thời gian chấm dứt HĐLĐ: từ ngày 30/6/2023; Quyết định chấm dứt HĐLĐ: số 188B/2023/QĐ/TTCS ngày 07/7/2023 của Ban biên tập Báo TT&CS; Lý do chấm dứt HĐLĐ: **B3** thực hiện Kế hoạch cắt giảm chi phí thường xuyên và tinh giảm nhân sự 06 tháng cuối năm 2023 do khó khăn kinh tế báo chí; Người lao động hết hạn HĐLĐ được coi là chấm dứt HĐLĐ theo quy định pháp luật về lao động; Chế độ tiền lương và chính sách: Chi trả tiền lương từ tháng 7-11/2022 (mức lương 3.486.600 đồng/tháng). Từ tháng 12/2022, **B3** không thực hiện chi trả tiền lương do không có văn bản ghi nhận khối lượng và hiệu quả công việc của ông **Phan Bá H** từ **Ban T** (lúc này ông **Nguyễn Danh C2**, Phó Tổng biên tập được Ban Biên tập giao phụ trách Ban Tâm Nhìn). Bảo hiểm: **B3** đã chấm dứt đóng bảo hiểm cho ông **Phan Bá H** từ tháng 6/2023.

1.2. Vấn đề khác sau khi Báo TT&CS chấm dứt HĐLĐ với ông **Phan Bá H**: Ông **Phan Bá H** cùng 08 người lao động **Ban T** –là đối tượng cắt giảm nhân sự, không ký lại HĐLĐ sau khi chấm dứt HĐLĐ có thời hạn 01 năm, nhưng có đơn thư tố cáo Lãnh đạo cơ quan “đã chấm dứt HĐLĐ với ông **Phan Bá H** là trái quy định pháp luật”. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội thành phố H đã thụ lý, kết quả xác minh và giải quyết Đơn tố cáo: **B3** đã chấm dứt HĐLĐ với 09 người lao động làm việc tại **Ban T** thuộc Báo theo diện hết hạn HĐLĐ và thực hiện thủ tục chấm dứt HĐLĐ theo quy định pháp luật. Nội dung chấm dứt HĐLĐ trái quy định pháp luật là tố cáo sai.

2. Về tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự: **B3** xác định không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

3. Kiến nghị, đề xuất: **B3** đề nghị Tòa án hủy bỏ tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và **B3** không tham dự các cuộc làm việc, phiên tòa.

Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông **Phan Bá H** rút yêu cầu trả 02 (hai) văn bằng bản sao bằng tốt nghiệp trung học phổ thông và **B** cử nhân luật học và rút yêu cầu bồi thường bằng tiền đối với hai văn bằng gốc bị mất là 100.000.000 đồng (50.000.000 đồng/văn bản x 02). Nguyên đơn ông **Phan Bá H** xác định chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn **Tổng công ty B1** trả khoản tiền do khoản mất thu nhập là 133.000.000 đồng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Việc nguyên đơn ông **Phan Bá H** tự nguyện rút 02 yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và thống nhất với việc nguyên đơn ông **Phan Bá H** chỉ yêu cầu bị đơn **Tổng công ty B1** trả khoản tiền do khoản mất thu nhập là 133.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 356, 360, **361**, 419, khoản 6 Điều 517 và Điều 586 Bộ luật Dân sự. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Phan Bá H**; buộc bị đơn **Tổng công ty B1** trả khoản tiền do khoản mất thu nhập là 133.000.000 đồng cho nguyên đơn ông **Phan Bá H**.

- Đại diện bị đơn trình bày: Khoản 4 Điều 40 Luật Bưu chính quy định: “Không bồi thường thiệt hại gián tiếp hoặc nguồn lợi không thu được do việc cung ứng dịch vụ bưu chính không bảo đảm chất lượng dịch vụ bưu chính mà doanh nghiệp đã công bố” nên bị đơn không có trách nhiệm trả khoản tiền mất thu nhập cho ông **H**. Bị đơn có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do mất bưu gửi chỉ trong phạm vi, giới hạn mà Luật Bưu chính quy định, tức không quá 04 lần giá cước. Do nguyên đơn ông **Phan Bá H** sử dụng dịch vụ EMS thông thường, không sử dụng dịch vụ EMS hòa tốc và càng không phải sử dụng dịch vụ khai giá nên giá cước chỉ có 18.018 đồng. Như vậy, theo quy định Luật Bưu chính thì phía bị đơn chỉ phải bồi thường 72.072 đồng (18.018 đồng x 4) nhưng phía bị đơn đã chủ động bồi thường, hỗ trợ và ông **H** đã nhận 5.000.000 đồng.

- Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát cùng cấp và người tham gia tố tụng đúng theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đình chỉ đối với các yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn ông **Phan Bá H** đã rút tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 513, 514 và Điều 517 Bộ luật Dân sự, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Phan Bá H** về việc yêu

cầu bị đơn **Tổng công ty B1** trả khoản tiền do khoản mất thu nhập là 133.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **B2** và **Tổng công ty B1**-Công ty cổ phần có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tên trên.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông **Phan Bá H** và đại diện bị đơn đều thống nhất với nhau rằng bưu gửi do ông **Phan Bá H** gửi không đến đích người nhận, đã thất lạc mất. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông **Phan Bá H** rút yêu cầu trả 02 (hai) văn bằng bản sao bằng tốt nghiệp trung học phổ thông và **B** cử nhân luật học và rút yêu cầu bồi thường bằng tiền đối với hai văn bằng gốc bị mất là 100.000.000 đồng (50.000.000 đồng/văn bản x 02). Xét thấy việc rút yêu cầu của nguyên đơn ông **Phan Bá H** là tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn ông **Phan Bá H** đã rút.

[2] Về xác định người tham gia tố tụng: Tại các đơn khởi kiện các ngày 10/5/2024, ngày 30/6/2024, ngày 13/3/2025, nguyên đơn ông **Phan Bá H** khởi kiện **Bưu điện tỉnh P**. Tại đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 23/6/2025, nguyên đơn ông **Phan Bá H** xác định khởi kiện **Tổng công ty B4**. Tuy nhiên, ngày 28/12/2012, **Bộ T1** đã ban hành Quyết định số 2596/QĐ-BTTTT về việc đổi tên **Tổng công ty B4** thành **Tổng công ty B1**. Đồng thời ngày 25/10/2026, **Tổng công ty B1** ban hành Quyết định số 222/QĐ-BĐVN-HĐTV về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của **Bưu điện tỉnh P**. Theo Quyết định này thì **Bưu điện tỉnh P** là đơn vị hạch toán phụ thuộc **Tổng công ty B1**. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông **Phan Bá H** xác định khởi kiện **Tổng công ty B1**. Căn cứ các Điều 74, 84 Bộ luật Dân sự và Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bị đơn trong vụ án này là **Tổng công ty B1**; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Tòa soạn Báo Tri thức và Cuộc sống và **Tổng công ty B1**-Công ty cổ phần.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 07/5/2021, nguyên đơn ông **Phan Bá H** đến **Bưu cục S-Bưu điện huyện T** (trực thuộc **Bưu điện tỉnh Phú Yên**-là chi nhánh của **Tổng công ty B1**) gửi 01 bì thư chuyển phát nhanh EMS số hiệu EC627333697VN, nội dung bưu gửi là 01 bằng tốt nghiệp đại học và 01 bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông; địa chỉ người nhận là ông **Nguyễn Danh C2**- biệt

thực C3G, chung cư S - Đ- Vĩnh Phúc-B-Hà Nội; ông H đã thanh toán tiền giá cước dịch vụ bưu chính còn bên phía Bưu điện chấp nhận, vận chuyển và phát bưu gửi đến địa điểm theo yêu cầu của người gửi. Đối chiếu với quy định tại Điều 8 Luật Bưu chính năm 2010 thì các bên đã xác lập hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính (là loại hợp đồng dịch vụ theo pháp luật dân sự). Tuy nhiên bưu gửi này không đến được người nhận và đã bị thất lạc, nguyên đơn ông Phan Bá H yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Tổng công ty B1 phải bồi thường thiệt hại 133.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 516 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử cần xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Bồi thường thiệt hại trong hợp đồng dịch vụ”.

[4] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Phan Bá H yêu cầu Tòa buộc Tổng công ty B1 bồi thường 133.000.000 đồng do mất thu nhập. **Xét:**

- Thông báo số 81/TB-TA ngày 15/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa (cũ) về việc yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện. Nội dung của Thông báo này yêu cầu ông Phan Bá H cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình có căn cứ như: Thông báo chấm dứt hợp đồng lao động, bảng lương và các khoản phụ cấp tại thời điểm tháng 8/2023. Người khởi kiện ông Phan Bá H đã nhận cùng ngày 15/7/2024 nhưng vẫn không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã yêu cầu.

- Tòa án nhân dân khu vực 11- Đắk Lắk ban hành Quyết định số 37/2025/QĐ-CCTLCC ngày 17/7/2025 yêu cầu nguyên đơn ông Phan Bá H cung cấp tài liệu chứng cứ: Hợp đồng lao động giữa ông với B2; Thông báo chấm dứt hợp đồng lao động của bên sử dụng lao động B2 đối với ông từ tháng 8/2023; Bảng lương, thu nhập hằng tháng của ông tại B2 (bao gồm lương, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và phí nhuận bút) trước khi ông bị B2 chấm dứt hợp đồng và tài liệu chứng cứ thể hiện ông nộp hồ sơ xin việc nhưng cơ quan tuyển dụng từ chối do ông không có văn bằng chính. Quyết định cung cấp tài liệu chứng cứ này được ông nhận cùng ngày 17/7/2025 nhưng nguyên đơn ông Phan Bá H vẫn không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ.

- Trên cơ sở đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ ông thu thập các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn ông Phan Bá H ngày 23/7/2025 (B1 53), Tòa án đã yêu cầu B2 và Cuộc sống cung cấp các tài liệu chứng cứ tại Văn bản số 37/TB-TA ngày 17/7/2025.

- Văn bản số 532/TTCS-BTS ngày 19/8/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan B2 và Cuộc sống (B3) có nội dung: Báo TT&CS chấm dứt hợp đồng lao động với ông Phan Bá H là vì Hợp đồng lao động đã hết thời hạn lao động.

Với những tài liệu chứng cứ trên, Hội đồng có căn cứ xác định: Nguyên đơn ông H có quyền và nghĩa vụ giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp được quy định tại Điều 5, khoản 5 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng suốt quá trình giải quyết vụ án ông Phan Bá H không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu bồi thường mất thu nhập và các khoản phụ cấp khác là 133.000.000 đồng. Trong khi đó, B2

và Cuộc sống xác định Tòa soạn chấm dứt hợp đồng với ông vì hợp đồng lao động hết thời hạn và các văn bản bản sao của ông vẫn được lưu trữ tại Tòa soạn. Như vậy việc ông H cho rằng vì sự kiện mất bưu gửi nên dẫn đến B2 và Cuộc sống chấm dứt hợp đồng lao động với ông như ông trình bày là không đúng.

Mặt khác, tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Bá H cung cấp “Đơn xin xác nhận” ngày 12/9/2025 nhưng tại phần xác nhận Công ty L2 chỉ ký, đóng dấu nhưng không xác nhận nội dung gì, không có ý kiến gì về việc ông trình bày trong đơn xin xác nhận có đúng hay không và người xác nhận là ai, có thẩm quyền gì của Công ty L2. Do đó việc ông cung cấp tài liệu chứng cứ “Đơn xin xác nhận” ngày 12/9/2025 là không khách quan.

Xét tài liệu chứng cứ khác tờ khai bưu gửi ngày 07/5/2021 (B1 44) thể hiện ông Phan Bá H chỉ kê khai 02 tài liệu trong bưu gửi; giá cước 18.018 đồng thì thấy:

Khoản 2 Điều 40 Luật Bưu chính quy định: “Việc bồi thường thiệt hại trong trường hợp bưu gửi bị mất, hư hỏng hoặc tráo đổi một phần được xác định trên cơ sở thiệt hại thực tế, nhưng không cao hơn mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại toàn bộ đối với dịch vụ đó, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác”

Khoản 4 Điều 40 Luật Bưu chính quy định: “Không bồi thường thiệt hại gián tiếp hoặc nguồn lợi không thu được do việc cung ứng dịch vụ bưu chính không bảo đảm chất lượng dịch vụ bưu chính mà doanh nghiệp đã công bố”

Khoản 2 Điều 24 Nghị định Quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính theo Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BTTTT ngày 07/6/2022: “Bưu gửi bị mất, hư hỏng hoặc tráo đổi toàn bộ thì được bồi thường theo quy định đối với từng loại dịch vụ. Mức bồi thường thiệt hại do doanh nghiệp quy định không thấp hơn mức giới hạn trách nhiệm bồi thường của từng loại dịch vụ theo quy định tại Điều 25 Nghị định này”.

Khoản 1 Điều 25 Nghị định Quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính theo Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BTTTT ngày 07/6/2022: “Mức giới hạn trách nhiệm bồi thường thiệt hại tối thiểu được quy định như sau: a) Đối với dịch vụ bưu chính trong nước: 04 lần cước (đã bao gồm hoàn trả lại cước dịch vụ đã sử dụng) của dịch vụ đã sử dụng”

Đối chiếu yêu cầu bồi thường 133.000.000 đồng của nguyên đơn ông Phan Bá H với các quy định pháp luật đã viện dẫn trên thấy việc khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

Xét trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thì thấy: Như trên đã phân tích, đánh giá và xác định quan hệ tranh chấp của vụ kiện này là “Bồi thường thiệt hại trong hợp đồng dịch vụ”. Do đó trách nhiệm bồi thường thiệt hại là phát sinh trong hợp đồng dịch vụ (quy định tại khoản 2 Điều 516 và khoản 6 Điều 517 Bộ luật Dân sự) chứ không phải bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Các bên xác lập hợp đồng dịch vụ bưu chính nên cần phải áp dụng Luật Bưu chính để giải quyết khi có tranh chấp. Như đã phân tích như trên

thấy việc trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự nguyên đơn ông **Phan Bá H** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15-Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 5 Điều 70, Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 267 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 513, khoản 2 Điều 516, khoản 6 Điều 517 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ các Điều 8, 9, 10, 40 và Điều 41 Luật Bưu chính 2010.

Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2026 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14*).

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Phan Bá H** về việc yêu cầu **Tổng công ty B1** trả số tiền 133.000.000 đồng về khoản mất thu nhập và các khoản phụ cấp khác vì không có căn cứ.

2. Đình chỉ đối yêu cầu trả 02 (hai) văn bằng bản sao bằng tốt nghiệp trung học phổ thông và **B** cử nhân luật học và rút yêu cầu bồi thường bằng tiền đối với hai văn bằng gốc bị mất là 100.000.000 đồng (*50.000.000 đồng/văn bản x 02*)

3. Về án phí: Nguyên đơn ông **Phan Bá H** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.650.000 đồng; đã tạm ứng 5.825.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005978 ngày 14/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa (cũ) nên còn phải tiếp tục nộp 825.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 11-Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tâm